

BÀI 47: TỰ KIỂM TRA

I. PHẦN 1:

Bài 1 trang 59 VBT Toán 5 Tập 1:

Trong các số 512,34; 423,15; 423,41; 423,51 số có chữ số 5 ở hàng phần trăm là:

A. 512,34

B. 432,15

C. 235,41

D. 423,51

Phương pháp:

Các chữ số ở bên trái dấu phẩy theo thứ tự từ phải sang trái lần lượt thuộc hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn, ...

Các chữ số ở bên phải dấu phẩy theo thứ tự từ trái sang phải lần lượt thuộc hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn, hàng phần chục nghìn,

Cách giải :

Số 512,34 có chữ số 5 thuộc hàng trăm; số 432,15 có chữ số 5 thuộc hàng phần trăm ; số 235,41 có chữ số 5 thuộc hàng đơn vị và số 423,51 có chữ số 5 thuộc hàng phần mười.

Vậy trong các số: 512,34; 432,15; 235,41; 423,51 số có chữ số 5 ở hàng phần trăm là 432,15

->>> Chọn B

Bài 2 trang 59 VBT Toán 5 Tập 1:

Viết $\frac{3}{10}$ dưới dạng số thập phân được:

A. 3,0

B. 0,03

C. 30,0

D. 0,3

Phương pháp:

Dựa vào cách chuyển đổi : $1/10 = 0.1$

Cách giải :

Ta có : $3/10 = 0.3$

->>> **Chọn D**

Bài 3 trang 59 VBT Toán 5 Tập 1:

Số bé nhất trong các số 8,25; 7,54; 6,99; 6,89 là:

A. 8,25

B. 7,54

C. 6,99

D. 6,89

Phương pháp:

So sánh các số đã cho rồi tìm số bé nhất trong các số đó.

Cách giải :

So sánh các số đã cho ta có : $6,89 < 6,99 < 7,54 < 8,25$.

Vậy số bé nhất trong các số đã cho là 6,89.

->>> **Chọn D**

Bài 4 trang 59 VBT Toán 5 Tập 1:

$2,05\text{ha} = \dots\dots\dots\text{m}^2$

Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 25 000

B. 20 050

C. 20 500

D. 20 005

Phương pháp:

Dựa vào cách chuyển đổi : $1\text{ha} = 10\,000\text{m}^2$ hay $1\text{m}^2 = \frac{1}{10\,000}\text{ha}$.

Cách giải :

$$2,05\text{ha} = 2\frac{5}{100}\text{ha} = 2\frac{500}{10\,000}\text{ha} = 2\text{ha } 500\text{m}^2 = 20\,500\text{m}^2$$

->>> Chọn C

II. PHẦN 2:**Bài 1 trang 59 VBT Toán 5 Tập 1:**

Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) $4\text{kg } 75\text{g} = \dots\dots\dots\text{kg}$; b) $85000\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{ha}$

Phương pháp:

Xác định mối liên hệ giữa các đơn vị đo để viết các số đo dưới dạng phân số hoặc hỗn số thích hợp, sau đó viết dưới dạng số thập phân.

Cách giải :

a) $4\text{kg } 75\text{g} = 4751000751000\text{kg} = 4,075\text{kg}$;

b) $85\,000\text{m}^2 = 85000100008500010000\text{ha} = 8,5\text{ha}$.

Bài 2 trang 60 VBT Toán 5 Tập 1:

Một máy bay cứ 15 phút bay được 240km. Hỏi trong 1 giờ máy bay đó bay được bao nhiêu ki-lô-mét?

Phương pháp:

Đây là bài toán về quan hệ tỉ lệ. Để giải bài toán này ta có thể dùng phương pháp "rút về đơn vị" hoặc dùng phương pháp "tìm tỉ số".

Cách giải :

Cứ 15 phút máy bay bay : 240 km

Trong 1 giờ máy bay bay : km ?

Bài giải**Cách 1:**

Đổi : 1 giờ = 60 phút

Trong 1 phút máy bay bay được số ki-lô-mét là :

$$240 : 15 = 16 \text{ (km)}$$

Máy bay bay trong 1 giờ được số ki-lô-mét là :

$$16 \times 60 = 960 \text{ km}$$

Đáp số: 960km.

Cách 2:

Đổi : 1 giờ = 60 phút

60 phút gấp 15 phút số lần là :

$$60 : 15 = 4 \text{ (lần)}$$

Máy bay bay trong 1 giờ được số ki-lô-mét là :

$$240 \times 4 = 960 \text{ km}$$

Đáp số : 960km.

Bài 3 trang 60 VBT Toán 5 Tập 1:

Tìm số tự nhiên xx, biết :

$$27,64 < xx < 28,46$$
$$xx = \dots\dots\dots$$

Phương pháp:

Áp dụng cách so sánh hai số thập phân : Muốn so sánh hai số thập phân ta có thể làm như sau:

- So sánh các phần nguyên của hai số đó như so sánh hai số tự nhiên, số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.
- Nếu phần nguyên của hai số đó bằng nhau thì ta so sánh phần thập phân, lần lượt từ hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn ... đến cùng một hàng nào đó, số thập phân nào có chữ số ở hàng tương ứng lớn hơn thì số đó lớn hơn.
- Nếu phần nguyên và phần thập phân của hai số đó bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.

Cách giải :

Số tự nhiên xx thỏa mãn điều kiện $27,64 < xx < 28,46$ là $xx = 28$